

Biểu mẫu 9

Danh sách giảng viên cơ hữu có trình độ Tiến sỹ tham gia từng chương trình đào tạo
(Tính đến tháng 3 năm 2016)

STT	Chương trình đào tạo	Giảng viên					Hệ số tham gia giảng dạy trong	Tổng các hệ số tại mỗi CTĐT	
		TT	Họ tên	Học hàm, học vị					Chuyên ngành
				GS	PGS	TS			
A. Trình độ đại học									
1	Sư phạm Ngữ văn	1	Đào Thị Vân		x		Ngôn ngữ	0,25	7,04
		2	Nguyễn Hằng Phương		x		Văn học dân gian	0,25	
		3	Đào Thuý Nguyên		x		Văn học Việt Nam	0,25	
		4	Nguyễn Thị Nhung			x	Ngôn ngữ	0,25	
		5	Hoàng Thị Thập			x	Văn học nước ngoài	0,25	
		6	Hoàng Điệp			x	Văn học Việt Nam	0,33	
		7	Ngô Thị Thanh Nga			x	Văn học trung đại	0,33	
		8	Dương Thu Hằng		x		Văn học Việt Nam	0,25	
		9	Cao Thị Hào		x		Văn học Việt Nam	0,25	
		10	Nguyễn Thị Thắm			x	Văn học nước ngoài	0,5	
		11	Nguyễn Thị Minh Thu			x	Văn học dân gian	0,25	
		12	Trần Thị Ngọc Anh			x	Lý luận văn học	0,5	
		13	Nguyễn Thị Thu Thủy			x	LL& PPDH bộ môn Văn - TV	0,33	
		14	Ngô Thị Thu Trang			x	Hán nôm	0,16	
		15	Ngô Thu Thủy			x	Văn học Việt Nam	0,2	
		16	Nguyễn Thu Quỳnh			x	Ngôn ngữ	0,5	
		17	Ngô Thị Thanh Quý		x		Văn học dân gian	0,2	
		18	Ôn Thị Mỹ Linh			x	Văn học nước ngoài	0,33	
		19	Trần Thị Nhung			x	Văn học Việt Nam	1	
		20	Nguyễn Thị Bích			x	Ngôn ngữ	0,33	
		21	Cao Thị Thu Hoài			x	Ngôn ngữ	0,33	
2	Sư phạm Ngữ văn chất lượng cao	1	Đào Thị Vân		x		Ngôn ngữ	0,25	6,71
		2	Nguyễn Hằng Phương		x		Văn học dân gian	0,25	
		3	Đào Thuý Nguyên		x		Văn học Việt Nam	0,25	
		4	Nguyễn Thị Nhung			x	Ngôn ngữ	0,25	
		5	Hoàng Thị Thập			x	Văn học nước ngoài	0,25	
		6	Hoàng Điệp			x	Văn học Việt Nam	0,33	
		7	Ngô Thị Thanh Nga			x	Văn học trung đại	0,33	
		8	Dương Thu Hằng		x		Văn học Việt Nam	0,25	
		9	Cao Thị Hào		x		Văn học Việt Nam	0,25	
		10	Phạm Quốc Tuấn			x	Văn học trung đại	1	
		11	Nguyễn Thị Thắm			x	Văn học nước ngoài	0,5	
		12	Nguyễn Thị Minh Thu			x	Văn học dân gian	0,25	

		13	Trần Thị Ngọc Anh			x	Lý luận văn học	0,5	
		14	Nguyễn Thị Thu Thủy			x	LL& PPDH bộ môn Văn - TV	0,33	
		15	Ngô Thị Thu Trang			x	Hán nôm	0,16	
		16	Ngô Thu Thủy			x	Văn học Việt Nam	0,2	
		17	Nguyễn Thu Quỳnh			x	Ngôn ngữ	0,5	
		18	Ngô Thị Thanh Quý		x		Văn học dân gian	0,2	
		19	Ôn Thị Mỹ Linh			x	Văn học nước ngoài	0,33	
		20	Nguyễn Thị Bích			x	Ngôn ngữ	0,33	
3	Sư phạm Lịch sử	1	Hà Thị Thu Thủy		x		Lịch sử VN	0,33	3,57
		2	Nguyễn Thị Quế Loan			x	Nhân học Văn hoá	0,25	
		3	Lê Thị Thu Hương			x	Lịch sử VN	0,5	
		4	Đỗ Hồng Thái		x		PP dạy học Lịch sử	0,33	
		5	Nguyễn Hà Giang			x	PP dạy học Lịch sử	1	
		6	Nghiêm Thị Hải Yến			x	LS Thế giới	0,33	
		7	Kim Ngọc Thu Trang			x	LS Thế giới	0,33	
		8	Hoàng Thị Mỹ Hạnh			x	Lịch sử Việt Nam	0,5	
4	Sư phạm Địa lý	1	Dương Quỳnh Phương		x		Địa lý học	0,33	4,19
		2	Nguyễn Thị Hồng		x		Địa lý tự nhiên	0,5	
		3	Đỗ Văn Hào			x	LL& PPDH bộ môn Địa lý	0,33	
		4	Nguyễn Phương Liên			x	Phương pháp GD	0,5	
		5	Vũ Văn Anh			x	Địa lý kinh tế	0,2	
		6	Nguyễn T Minh Nguyệt			x	Địa lý tự nhiên	1	
		7	Phạm Hương Giang			x	Địa lý tự nhiên	1	
		8	Đỗ Vũ Sơn			x	Phương pháp GD	0,33	
5	Sư phạm Toán	1	Phạm Hiến Bằng		x		Giải tích	0,25	5,76
		2	Hà Trần Phương		x		Giải tích	0,25	
		3	Nguyễn Danh Nam			x	LL&PPDH bộ môn Toán	0,25	
		4	Trần Nguyên An			x	Đại số và lý thuyết số	0,25	
		5	Nguyễn Văn Hoàng			x	Đại số	0,25	
		6	Nguyễn Thị Ngân			x	Giải tích	0,14	
		7	Phạm Thị Thủy			x	Giải tích	0,16	
		8	Bùi Thế Hùng			x	Giải tích	0,25	
		9	Trịnh Diệp Linh			x	Giải tích	0,33	
		10	Lê Tùng Sơn			x	Hình học	0,2	
		11	Trần Huệ Minh			x	Hình học-Tô pô	1	
		12	Dương Quang Hải			x	Hình học	0,33	
		13	Trương Quyết Thắng			x	Hình học	0,33	
		14	Bùi Thị Hạnh Lâm			x	PPGD	0,16	
		15	Cao Thị Hà		x		PPGD	0,25	
		16	Trần Việt Cường			x	LL&PPDH bộ môn Toán	0,25	
		17	Đỗ Thị Trinh			x	LL&PPDH bộ môn Toán	0,25	
		18	Vũ Mạnh Xuân			x	Toán ứng dụng	0,2	
		19	Nguyễn Mạnh Đức			x	Tin học	0,33	
		20	Trần Đỗ Minh Châu			x	Đại số	0,33	

6	Sư phạm Tin học	1	Trần Nguyên An			x	Đại số và lý thuyết số	0,25	3,09
		2	Nguyễn Văn Hoàng			x	Đại số	0,25	
		3	Nguyễn Thị Ngân			x	Giải tích	0,14	
		4	Phạm Thị Thủy			x	Giải tích	0,16	
		5	Bùi Thế Hùng			x	Giải tích	0,25	
		6	Trịnh Diệp Linh			x	Giải tích	0,33	
		7	Lê Tùng Sơn			x	Hình học	0,2	
		8	Trần Huệ Minh			x	Hình học-Tô pô	0,16	
		9	Dương Quang Hải			x	Hình học	0,33	
		10	Trương Quyết Thắng			x	Hình học	0,33	
		11	Bùi Thị Hạnh Lâm			x	PPGD	0,16	
		12	Vũ Mạnh Xuân			x	Toán ứng dụng	0,2	
		13	Nguyễn Mạnh Đức			x	Tin học	0,33	
7	Sư phạm toán chất lượng cao	1	Phạm Hiến Bằng		x		Giải tích	0,25	4,92
		2	Hà Trần Phương		x		Giải tích	0,25	
		3	Nguyễn Danh Nam			x	LL&PPDH bộ môn Toán	0,25	
		4	Trần Nguyên An			x	Đại số và lý thuyết số	0,25	
		5	Nguyễn Văn Hoàng			x	Đại số	0,25	
		6	Nguyễn Thị Ngân			x	Giải tích	0,14	
		7	Phạm Thị Thủy			x	Giải tích	0,16	
		8	Bùi Thế Hùng			x	Giải tích	0,25	
		9	Trịnh Diệp Linh			x	Giải tích	0,33	
		10	Lê Tùng Sơn			x	Hình học	0,2	
		11	Trần Huệ Minh			x	Hình học-Tô pô	0,16	
		12	Dương Quang Hải			x	Hình học	0,33	
		13	Trương Quyết Thắng			x	Hình học	0,33	
		14	Bùi Thị Hạnh Lâm			x	PPGD	0,16	
			Cao Thị Hà		x		PPGD	0,25	
			Trần Việt Cường			x	LL&PPDH bộ môn Toán	0,25	
			Đỗ Thị Trinh			x	LL&PPDH bộ môn Toán	0,25	
8	Sư phạm Vật lý	15	Vũ Mạnh Xuân			x	Toán ứng dụng	0,2	2,47
		16	Nguyễn Mạnh Đức			x	Tin học	0,33	
		17	Trần Đỗ Minh Châu			x	Đại số	0,33	
		1	Nguyễn Thị Thu Hà (L)			x	PP giảng dạy	0,33	
		2	Cao Tiến Khoa			x	PP giảng dạy	0,33	
		3	Chu Việt Hà			x	VL lý thuyết	0,33	
		4	Vũ Thị Kim Liên		x		Vật lý chất rắn	0,2	
		5	Phạm Hữu Kiên			x	VL lý thuyết	0,33	
		6	Vũ Thị Hồng Hạnh			x	VL đại cương	0,25	2,47
		7	Đỗ Thùy Chi			x	Vật lý chất rắn	0,2	
		8	Phạm Mai An			x	VL lý thuyết	0,5	
		1	Lê Hữu Thiêng		x		Hóa vô cơ	0,33	
		2	Dương Thị Tú Anh			x	Hóa phân tích	0,5	2,47
		3	Hoàng Thị Chiên		x		LL&PPDH bộ môn Hóa	0,33	
		4	Vũ Thị Hậu			x	Hóa lý	0,5	

9	Sư phạm Hóa học	5	Trần Thị Huế				Hóa phân tích	1	7,57
		6	Nguyễn Thị Tố Loan			x	Hóa vô cơ	0,25	
		7	Nguyễn Thị Hiền Lan		x		Hóa vô cơ	0,33	
		8	Chu Mạnh Nhung			x	Hóa phân tích	0,5	
		9	Phạm Thị Hà Thanh			x	Hóa vô cơ	0,25	
		10	Dương Ngọc Toàn			x	Hóa hữu cơ	0,5	
		11	Phạm Văn Khang			x	Hóa hữu cơ	0,5	
		12	Đỗ Trà Hương		x		Hóa lý	0,5	
		13	Ngô Thị Mai Việt			x	Hóa phân tích	0,33	
		14	Mai Xuân Trường		x		Hóa phân tích	0,5	
		15	Bùi Đức Nguyên			x	Hóa vô cơ	0,25	
		16	Nguyễn T Thanh Hương			x	Hóa hữu cơ	1	
10	Sư phạm Sinh học	1	Chu Hoàng Mậu	x			Di truyền học	0,16	3,32
		2	Lê Ngọc Công		x		Sinh thái học	0,14	
		3	Nguyễn Thị Tâm		x		Sinh lý học thực vật	0,16	
		4	Nguyễn Văn Hồng		x		LL & PPDH bộ môn sinh học	0,16	
		5	Nguyễn Phúc Chinh		x		PPDH sinh học	0,16	
		6	Lương Thị Thúy Vân			x	KH Cây trồng	0,2	
		7	Nguyễn Thị Ngọc Lan			x	Sinh lý học thực vật	0,14	
		8	Nguyễn Thị Hà			x	PPDH sinh học	0,16	
		9	Hoàng Văn Ngọc			x	Động vật học	0,14	
		10	Từ Quang Tân			x	Di truyền chọn giống động vật	0,16	
		11	Ma Thị Ngọc Mai			x	Sinh thái học	0,16	
		12	Vũ Thị Thu Thủy			x	Di truyền học	0,16	
		13	Nguyễn Thị Thu Nga			x	Di truyền học	0,16	
		14	Phạm Thị Thanh Nhân			x	Di truyền học	0,16	
		15	Sỹ Danh Thường			x	Thực vật học	0,16	
		16	Hoàng Phú Hiệp			x	Di truyền học	0,2	
		17	Nguyễn Viết Tiến			x	Vi sinh học	0,25	
		18	Đinh Thị Phụng			x	Sinh thái học	0,16	
		19	Nguyễn Hữu Quân			x	Vi sinh học	0,33	
11	Sư phạm Sinh - KTN	1	Chu Hoàng Mậu	x			Di truyền học	0,16	3,32
		2	Lê Ngọc Công		x		Sinh thái học	0,14	
		3	Nguyễn Thị Tâm		x		Sinh lý học thực vật	0,16	
		4	Nguyễn Văn Hồng		x		LL & PPDH bộ môn sinh học	0,16	
		5	Nguyễn Phúc Chinh		x		PPDH sinh học	0,16	
		6	Lương Thị Thúy Vân			x	KH Cây trồng	0,2	
		7	Nguyễn Thị Ngọc Lan			x	Sinh lý học thực vật	0,14	
		8	Nguyễn Thị Hà			x	PPDH sinh học	0,16	
		9	Hoàng Văn Ngọc			x	Động vật học	0,14	
		10	Từ Quang Tân			x	Di truyền chọn giống động vật	0,16	
		11	Ma Thị Ngọc Mai			x	Sinh thái học	0,16	
		12	Vũ Thị Thu Thủy			x	Di truyền học	0,16	
		13	Nguyễn Thị Thu Nga			x	Di truyền học	0,16	
		14	Phạm Thị Thanh Nhân			x	Di truyền học	0,16	
		15	Sỹ Danh Thường			x	Thực vật học	0,16	
		16	Hoàng Phú Hiệp			x	Di truyền học	0,2	
		17	Nguyễn Viết Tiến			x	Vi sinh học	0,25	

		18	Đinh Thị Phụng			x	Sinh thái học	0,16	
		19	Nguyễn Hữu Quân			x	Vi sinh học	0,33	
12	Sự phạm Sinh học chất lượng cao	1	Chu Hoàng Mậu	x			Di truyền học	0,16	2,99
		2	Lê Ngọc Công		x		Sinh thái học	0,14	
		3	Nguyễn Thị Tâm		x		Sinh lý học thực vật	0,16	
		4	Nguyễn Văn Hồng		x		LL & PPDH bộ môn sinh học	0,16	
		5	Nguyễn Phúc Chính		x		PPDH sinh học	0,16	
		6	Lương Thị Thúy Vân			x	KH Cây trồng	0,2	
		7	Nguyễn Thị Ngọc Lan			x	Sinh lý học thực vật	0,14	
		8	Nguyễn Thị Hà			x	PPDH sinh học	0,16	
		9	Nguyễn Thị Thu Nga			x	Di truyền học	0,16	
		10	Sỹ Danh Thường			x	Thực vật học	0,16	
		11	Hoàng Văn Ngọc			x	Động vật học	0,14	
		12	Ma Thị Ngọc Mai			x	Sinh thái học	0,16	
		13	Nguyễn Viết Tiến			x	Vi sinh học	0,25	
		14	Từ Quang Tân			x	Di truyền chọn giống động vật	0,16	
		15	Đinh Thị Phụng			x	Sinh thái học	0,16	
		16	Vũ Thị Thu Thủy			x	Di truyền học	0,16	
		17	Phạm Thị Thanh Nhân			x	Di truyền học	0,16	
		18	Hoàng Phú Hiệp			x	Di truyền học	0,2	
13	Sự phạm Sinh - Hóa	1	Chu Hoàng Mậu	x			Di truyền học	0,16	4,24
		2	Lê Ngọc Công		x		Sinh thái học	0,14	
		3	Nguyễn Thị Tâm		x		Sinh lý học thực vật	0,16	
		4	Nguyễn Văn Hồng		x		LL & PPDH bộ môn sinh học	0,16	
		5	Nguyễn Phúc Chính		x		PPDH sinh học	0,16	
		6	Lương Thị Thúy Vân			x	KH Cây trồng	0,2	
		7	Nguyễn Thị Ngọc Lan			x	Sinh lý học thực vật	0,14	
		8	Nguyễn Thị Hà			x	PPDH sinh học	0,16	
		9	Hoàng Văn Ngọc			x	Động vật học	0,14	
		10	Từ Quang Tân			x	Di truyền chọn giống động vật	0,16	
		11	Ma Thị Ngọc Mai			x	Sinh thái học	0,16	
		12	Vũ Thị Thu Thủy			x	Di truyền học	0,16	
		13	Nguyễn Thị Thu Nga			x	Di truyền học	0,16	
		14	Sỹ Danh Thường			x	Thực vật học	0,16	
		15	Hoàng Phú Hiệp			x	Di truyền học	0,2	
		16	Đinh Thị Phụng			x	Sinh thái học	0,16	
		17	Nguyễn Viết Tiến			x	Vi sinh học	0,25	
		18	Hoàng Thị Chiên			x	LL&PPDH bộ môn Hóa	0,33	
		19	Phạm Thị Hà Thanh			x	Hóa Vô cơ	0,25	
		20	Ngô Thị Mai Việt			x	Hóa CN- MT	0,33	
		21	Nguyễn Thị Tố Loan			x	Hóa vô cơ	0,25	
		22	Bùi Đức Nguyên			x	Hóa vô cơ	0,25	
14	Giáo dục Thể chất	1	Hà Quang Tiến			x	Điện kinh	0,5	0,5
15	Giáo dục TC - QP	1	Hà Quang Tiến			x	Điện kinh	0,5	0,5
		1	Vũ Thị Tùng Hoa			x	Triết học	0,5	
		2	Ngô Lan Anh			x	Triết học	0,5	
		3	Vũ Minh Tuyên			x	Triết học	0,5	

16	Giáo dục Chính trị	4	Đổng Văn Quân			x	Triết học	0,5	6,5
		5	Nguyễn Hữu Toàn			x	Lịch sử Đảng	0,5	
		6	Nguyễn Thị Khương			x	Triết học	0,5	
		7	Nguyễn Thị Thanh Hà			x	Triết học	1	
		8	Nguyễn T. Hoàng Lan			x	Luật học	1	
		9	Hoàng Thu Thủy			x	Lịch sử Đảng	0,5	
		10	Nguyễn Thị Hường			x	CNXH Khoa học	0,5	
		11	Trần Thị Lan			x	CNXH Khoa học	0,5	
17	Sư phạm Tâm lý - Giáo dục	1	Nguyễn Thị Tính		x		Giáo dục học	0,2	4,56
		2	Phùng Thị Hằng		x		Tâm lý học	0,25	
		3	Nguyễn Thị Thanh Huyền		x		Giáo dục học	0,25	
		4	Phí Thị Hiếu			x	Tâm lý học	0,5	
		5	Trần Thị Minh Huệ			x	Giáo dục học	0,2	
		6	Lê Thị Phương Hoa			x	Tâm lý học	1	
		7	Hà Thị Kim Linh			x	Giáo dục học	0,33	
		8	Lê Thùy Linh			x	Giáo dục học	0,33	
		9	Nguyễn Thị Út Sáu			x	Tâm lý học	0,5	
		10	Nguyễn Thị Ngọc			x	Giáo dục học	1	
18	Giáo dục Mầm non	1	Trần Thị Minh Huệ			x	Giáo dục học	0,2	2,86
		2	Đinh Đức Hợi			x	Tâm lý học CN	1	
		3	Lê Tùng Sơn			x	Hình học	0,2	
		4	Trần Huệ Minh			x	Hình học-Tô pô	0,16	
		5	Bùi Thị Hạnh Lâm			x	PPGD Toán	0,16	
		6	Từ Quang Tân			x	Di truyền chọn giống động vật	0,16	
		7	Vũ Văn Anh			x	Địa lý kinh tế TG	0,2	
		8	Nguyễn Thị Tuyết Mai			x	Giải tích	0,33	
		9	Nguyễn Thị Minh Thu			x	Văn học dân gian	0,25	
		10	Ngô Thị Thanh Quý			x	Văn học DG	0,2	
19	Giáo dục Tiểu học	1	Ngô Gia Võ			x	Văn học Việt Nam	0,2	2,19
		2	Lâm Thùy Dương			x	Toán học	0,5	
		3	Lê Thị Thu Hương			x	Giáo dục học	0,33	
		4	Nguyễn Thị Thu Hằng			x	Giáo dục học	0,33	
		5	Đặng Thị Lệ Tâm			x	Giáo dục học	0,25	
		6	Nguyễn Tú Quyên			x	Ngôn ngữ học	0,25	
		7	Trần Ngọc Bích			x	Giáo dục học	0,33	
20	Giáo dục Tiểu học Tiếng Anh	1	Ngô Gia Võ			x	Văn học Việt Nam	0,2	4,69
		2	Lâm Thùy Dương			x	Toán học	0,5	
		3	Lê Thị Thu Hương			x	Giáo dục học	0,33	
		4	Nguyễn Thị Thu Hằng			x	Giáo dục học	0,33	
		5	Nguyễn T. Hồng Chuyên			x	Giáo dục học	0,5	
		6	Đặng Thị Lệ Tâm			x	Giáo dục học	0,25	
		7	Nguyễn Tú Quyên			x	Ngôn ngữ học	0,25	
		8	Đặng Thị Thu Hương			x	Ngoại ngữ	1	
		9	Nguyễn Thị Hồng Minh			x	Ngoại ngữ	0,5	
		10	Trần Ngọc Bích			x	Giáo dục học	0,33	
		11	Bùi Huy Nam			x	Lịch sử	0,5	
		1	Nguyễn Kiến Thọ			x	Văn học Việt Nam	0,5	
		2	Nguyễn Thị Thu Hằng			x	LL& PPDH bộ môn Văn - TV	0,33	
		3	Cao Thị Thu Hoài			x	Văn học Việt Nam	0,33	

21	Sư phạm Văn - Địa	4	Lê Hồng My			x	Văn học Việt Nam	0,25	3,19
		5	Ngô Thu Thủy			x	Ngôn ngữ học	0,2	
		6	Hoàng Thị Thập			x	Văn học nước ngoài	0,25	
		7	Đỗ Văn Hào			x	LL& PPDH bộ môn Địa lý	0,33	
		8	Lê Thị Nguyệt			x	Địa lý tự nhiên	1	
22	Sư phạm Văn - Sử	1	Nguyễn Kiến Thọ			x	Văn học Việt Nam	0,5	2,77
		2	Nguyễn Thị Thu Hằng			x	LL& PPDH bộ môn Văn - TV	0,33	
		3	Ngô Thu Thủy			x	Ngôn ngữ học	0,2	
		4	Ngô Thị Thu Trang			x	Hán nôm	0,16	
		5	Hoàng Thị Thập			x	Văn học nước ngoài	0,25	
		6	Cao Thị Thu Hoài			x	Văn học Việt Nam	0,33	
		7	Lê Hồng My			x	Văn học Việt Nam	0,25	
		8	Hoàng Thị Mỹ Hạnh			x	Lịch sử Việt Nam	0,5	
		9	Nguyễn Thị Quế Loan			x	Nhân học văn hóa	0,25	
23	Sư phạm Toán - Lý	1	Vũ Thị Hồng Hạnh			x	VL đại cương	0,25	0,75
		2	Đỗ Thùy Chi			x	VL đại cương	0,2	
		3	Vũ Thị Kim Liên		x		Vật lý chất rắn	0,2	
24	Sư phạm Toán - Tin	1	Vũ Mạnh Xuân			x	Toán ứng dụng	0,2	1,2
		2	Trịnh Thị Phương Thảo			x	Phương pháp giảng dạy	0,5	
		3	Bạch Phương Vinh			x	Phương pháp giảng dạy	0,5	
25	Sư phạm Tiếng Anh	1	Nguyễn Thị Hồng Chuyên			x	Tiếng Anh	1	3,33
		2	Đặng Thu Hương			x	Tiếng Anh	1	
		3	Lê Thị Thu Hương			x	Tiếng Anh	0,33	
		4	Ngô Thị Bích Ngọc			x	Tiếng Anh	1	
B. Trình độ thạc sĩ									
1	Toán giải tích	1	Phạm Hiến Bằng		x		Toán giải tích	0,25	2,54
		2	Hà Trần Phương		x		Toán giải tích	0,25	
		3	Trần Huệ Minh			x	Hình học-Tô pô	0,16	
		4	Nguyễn Thị Tuyết Mai			x	Toán giải tích	0,33	
		5	Trịnh Thị Diệp Linh			x	Toán giải tích	0,5	
		6	Nguyễn Thị Ngân			x	Toán giải tích	0,14	
		7	Phạm Thị Thủy			x	Toán giải tích	0,16	
		8	Bùi Thế Hùng			x	Toán giải tích	0,25	
		9	Phạm Việt Đức		x		Toán giải tích	0,5	
2	Đại số và lý thuyết số	1	Nguyễn Văn Hoàng			x	Đại số	0,25	1,23
		2	Trần Nguyên An			x	Đại số và lý thuyết số	0,25	
		3	Trần Đỗ Minh Châu			x	Đại số và lý thuyết số	0,33	
		4	Lê Tùng Sơn			x	Toán học tính toán	0,2	
		5	Vũ Mạnh Xuân			x	Toán ứng dụng	0,2	
3	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	1	Cao Thị Hà		x		LL&PPDH bộ môn Toán	0,25	2,16
		2	Bùi Thị Hạnh Lâm			x	LL&PPDH bộ môn Toán	0,16	
		3	Trần Việt Cường			x	LL&PPDH bộ môn Toán	0,25	
		4	Nguyễn Danh Nam			x	LL&PPDH bộ môn Toán	0,25	
		5	Đỗ Thị Trinh			x	LL&PPDH bộ môn Toán	0,25	
		6	Vũ Thị Thái		x		LL&PPDH bộ môn Toán	0,5	
		7	Trịnh Thanh Hải		x		LL&PPDH bộ môn Toán	0,5	

4	Vật lý chất rắn	1	Vũ Thị Kim Liên		x	x	Vật lý chất rắn	0,2	3,4
		2	Chu Việt Hà			x	Vật lý chất rắn	1	
		3	Đỗ Thùy Chi			x	Vật lý chất rắn	0,2	
		4	Phạm Mai An			x	Vật lý chất rắn	0,5	
		5	Nguyễn Thị Minh Thủy			x	Vật lý chất rắn	1	
		6	Nguyễn Lê Hùng			x	Vật lý chất rắn	0,5	
5	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	1	Vũ Thị Kim Liên		x		Vật lý chất rắn	0,2	3,14
		2	Vũ Thị Hồng Hạnh			x	Vật lý chất rắn	0,25	
		3	Phạm Hữu Kiên			x	Vật lý kỹ thuật	0,33	
		4	Đỗ Thùy Chi			x	Vật lý chất rắn	0,2	
		5	Cao Tiến Khoa			x	LL&PP dạy học bộ môn Vật lý	0,33	
		6	Nguyễn Thị Thu Hà (L)			x	LL&PP dạy học bộ môn Vật lý	0,33	
		7	Nguyễn Văn Khải		x		LL&PP dạy học bộ môn Vật lý	0,5	
		8	Tô Văn Bình		x		LL&PP dạy học bộ môn Vật lý	0,5	
		9	Nguyễn Lê Hùng			x	Vật lý chất rắn	0,5	
6	Hóa Hữu cơ	1	Hoàng Thị Chiên		x		LL&PPDH bộ môn Hóa	0,33	5,33
		2	Phạm Văn Khang			x	Hóa hữu cơ	0,5	
		3	Nguyễn Thị Thanh Hương			x	Hóa hữu cơ	1	
		4	Mai Thanh Nga			x	Hóa hữu cơ	1	
		5	Dương Ngọc Toàn			x	Hóa hữu cơ	0,5	
		6	Nguyễn Minh Thảo	x			Hóa hữu cơ	1	
		7	Phạm Văn Thịnh		x		Hóa hữu cơ	1	
7	Hóa phân tích	1	Mai Xuân Trường		x		Hóa phân tích	0,5	2,33
		2	Đỗ Trà Hương		x		Hóa lý	0,5	
		3	Ngô Thị Mai Việt			x	Hóa phân tích	0,33	
		4	Dương Thị Tú Anh			x	Hóa phân tích	0,5	
		5	Vũ Thị Hậu			x	Hóa lý	0,5	
8	Hóa vô cơ	1	Lê Hữu Thiêng		x		Hóa vô cơ	0,33	1,41
		2	Nguyễn Thị Hiền Lan		x		Hóa vô cơ	0,33	
		3	Bùi Đức Nguyên			x	Hóa vô cơ	0,25	
		4	Nguyễn Thị Tổ Loan			x	Hóa vô cơ	0,25	
		5	Phạm Thị Hà Thanh			x	Hóa vô cơ	0,25	
9	Di truyền học	1	Chu Hoàng Mậu	x			Di truyền học	0,16	0,84
		2	Nguyễn Thị Thu Nga			x	Di truyền học	0,16	
		3	Vũ Thị Thu Thủy			x	Di truyền học	0,16	
		4	Hoàng Phú Hiệp			x	Di truyền học	0,2	
		5	Phạm Thị Thanh Nhân			x	Di truyền học	0,16	
10	Sinh học thực nghiệm	1	Nguyễn Thị Tâm		x		Sinh học thực nghiệm	0,16	0,8
		2	Nguyễn Thị Ngọc Lan			x	Sinh học thực nghiệm	0,14	
		3	Lương Thị Thủy Vân			x	KH Cây trồng	0,2	
		4	Hoàng Văn Ngọc			x	KH Cây trồng	0,14	
		5	Từ Quang Tân			x	Di truyền chọn giống động vật	0,16	
11	Sinh thái học	1	Lê Ngọc Công		x		Sinh thái học	0,14	0,76
		2	Hoàng Văn Ngọc			x	Động vật học	0,14	
		3	Sỹ Danh Thường			x	Thực vật học	0,16	
		4	Ma Thị Ngọc Mai			x	Sinh thái học	0,16	
		5	Đinh Thị Phượng			x	Sinh thái học	0,16	

12	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học	1	Nguyễn Phúc Chinh		x		LL & PPDH bộ môn sinh học	0,16	1,62
		2	Nguyễn Văn Hồng		x		LL & PPDH bộ môn sinh học	0,16	
		3	Nguyễn Thị Ngọc Lan			x	Sinh lý học thực vật	0,14	
		4	Nguyễn Thị Hà			x	LL & PPDH bộ môn sinh học	0,16	
		5	Phạm Thị Hồng Tú			x	LL & PPDH bộ môn sinh học	1	
13	Văn học Việt Nam	1	Đào Thuỷ Nguyên		x		Văn học Việt Nam	0,25	2,23
		2	Nguyễn Hằng Phương		x		Văn học dân gian	0,25	
		3	Cao Thị Hào		x		Văn học Việt Nam	0,25	
		4	Ngô Thị Thanh Quý		x		Văn học Việt Nam	0,2	
		5	Lê Hồng My			x	Văn học Việt Nam	0,25	
		6	Nguyễn Thị Minh Thu			x	Văn học dân gian	0,25	
		7	Ngô Gia Võ			x	Văn học Việt Nam	0,2	
		8	Dương Thu Hằng			x	Văn học Việt Nam	0,25	
		9	Nguyễn Thị Bích			x	Văn học Việt Nam	0,33	
14	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn - TV	1	Nguyễn Thị Thu Thủy			x	LL& PPDH bộ môn Văn - TV	0,33	1,24
		2	Đặng Thị Lệ Tâm			x	LL& PPDH bộ môn Văn - TV	0,25	
		3	Nguyễn Thị Thu Hằng			x	LL& PPDH bộ môn Văn - TV	0,33	
		4	Ôn Thị Mỹ Linh			x	Văn học nước ngoài	0,33	
15	Ngôn ngữ Việt Nam	1	Nguyễn Văn Lộc		x		Ngôn ngữ học	0,5	1,41
		2	Đào Thị Vân		x		Ngôn ngữ học	0,25	
		3	Nguyễn Thị Nhung			x	Ngôn ngữ học	0,25	
		4	Nguyễn Tú Quyên			x	Ngôn ngữ học	0,25	
		5	Ngô Thị Thu Trang			x	Hán nôm	0,16	
16	Lịch sử Việt Nam	1	Hà Thị Thu Thủy		x		Lịch sử VN	0,33	2,07
		2	Đỗ Hồng Thái		x		LL&PPDH bộ môn Lịch sử	0,33	
		3	Nghiêm Thị Hải Yến			x	LSTG cận đại và hiện đại	0,33	
		4	Nguyễn Thị Quế Loan			x	Nhân học văn hoá	0,25	
		5	Kim Ngọc Thu Trang			x	LS Thế giới	0,33	
		6	Đàm Thị Uyên		x		LSVN cổ - trung đại	0,5	
17	Địa lý học	1	Dương Quỳnh Phương			x	Địa lý học	0,25	3,23
		2	Vũ Văn Anh			x	Địa lý học	0,2	
		3	Đỗ Vũ Sơn			x	Bản đồ học	0,33	
		4	Nguyễn Thị Hồng		x		Địa lý tự nhiên	0,2	
		5	Nguyễn Phương Liên			x	LL& PPDH bộ môn Địa lý	0,25	
		6	Lê Thu Hoa		x		Địa lý học	0,5	
		7	Nguyễn Xuân Trường		x		Địa lý học	0,5	
		8	Vũ Như Vân			x	Địa lý học	0,5	
		9	Nguyễn Việt Tiến			x	Địa lý học	0,5	

18	Địa lý tự nhiên	1	Nguyễn Thị Hồng		x		Địa lý tự nhiên	0,2	4,23
		2	Vũ Văn Anh			x	Địa lý học	0,2	
		3	Dương Quỳnh Phương			x	Địa lý học	0,25	
		4	Đỗ Vũ Sơn			x	Bản đồ học	0,33	
		5	Nguyễn Phương Liên			x	LL& PPDH bộ môn Địa lý	0,25	
		6	Phạm Hoàng Hải	x			Địa lý tự nhiên	1	
		7	Trần Việt Khanh		x		Địa lý tự nhiên	1	
		8	Nguyễn Khánh Vân		x		Địa lý tự nhiên	1	
19	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý	1	Nguyễn Phương Liên			x	LL& PPDH bộ môn Địa lý	0,25	3,23
		2	Đỗ Vũ Sơn			x	LL& PPDH bộ môn Địa lý	0,33	
		3	Đỗ Văn Hào			x	LL& PPDH bộ môn Địa lý	0,25	
		4	Nguyễn Thị Hồng		x		Địa lý tự nhiên	0,2	
		5	Vũ Văn Anh			x	Địa lý học	0,2	
		6	Đặng Xuân Phong			x	LL& PPDH bộ môn Địa lý	1	
		7	Ngô Thị Hải Yến			x	LL& PPDH bộ môn Địa lý	1	
20	Giáo dục học	1	Phạm Hồng Quang		x		Giáo dục học	0,2	2,06
		2	Nguyễn Thị Tính		x		Giáo dục học	0,2	
		3	Hà Thị Kim Linh			x	Giáo dục học	0,33	
		4	Phùng Thị Hằng			x	Tâm lý học	0,25	
		5	Nguyễn Thị Út Sáu			x	Tâm lý học	0,5	
		6	Lê Thùy Linh			x	Giáo dục học	0,33	
		7	Nguyễn Văn Hộ	x			Giáo dục học	0,25	
21	Quản lý giáo dục	1	Phạm Hồng Quang		x		Giáo dục học	0,2	2,84
		2	Nguyễn Thị Tính		x		Giáo dục học	0,2	
		3	Phùng Thị Hằng			x	Tâm lý học	0,25	
		4	Trần Thị Minh Huệ			x	Giáo dục học	0,2	
		5	Phí Thí Hiếu			x	Tâm lý học	0,5	
		6	Nguyễn Thị Thanh Huyền			x	Giáo dục học	0,25	
		7	Hà Thị Kim Linh			x	Giáo dục học	0,33	
		8	Lê Thùy Linh			x	Giáo dục học	0,33	
		9	Nguyễn Văn Hộ	x			Giáo dục học	0,25	
		10	Phạm Hùng Linh			x	Quản lý giáo dục	0,33	
22	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lý luận chính trị	1	Đồng Văn Quân			x	Triết học	0,5	5,5
		2	Vũ Thị Tùng Hoa			x	Triết học	0,5	
		3	Nguyễn Thị Hường			x	Chủ nghĩa xã hội khoa học	0,5	
		4	Nguyễn Hữu Toàn			x	Lịch sử Đảng	0,5	
		5	Vũ Minh Tuyên			x	Triết học	0,5	
		6	Ngô Thị Lan Anh			x	Triết học	0,5	
		7	Nguyễn Thị Hoàng Lan			x	Luật học	1	
		8	Nguyễn Thị Khương			x	Triết học	0,5	
		9	Trần Thị Lan			x	CNXH Khoa học	0,5	

		10	Hoàng Thu Thủy			x	Lịch sử Đảng	0,5	
23	Giáo dục học (Chương trình Giáo dục Tiểu học)	1	Lê Thị Thu Hương			x	LL&PPDH bộ môn Toán	0,33	1,44
		2	Ngô Gia Võ			x	Văn học Việt Nam	0,2	
		3	Trần Ngọc Bích			x	Văn học Việt Nam	0,33	
		4	Nguyễn Thị Thu Hằng			x	Giáo dục học	0,33	
		5	Đặng Thị Lệ Tâm			x	LL&PPDH bộ môn Văn	0,25	
C. Trình độ Tiến sĩ									
1	Toán giải tích	1	Phạm Hiến Bằng		x		Toán giải tích	0,25	2,13
		2	Phạm Việt Đức		x		Toán giải tích	0,5	
		3	Hà Trần Phương			x	Toán giải tích	0,25	
		4	Trần Huệ Minh			x	Hình học-Tô pô	0,16	
		5	Nguyễn Thị Tuyết Mai			x	Toán giải tích	0,33	
		6	Trịnh Thị Diệp Linh			x	Toán giải tích	0,5	
		7	Nguyễn Thị Ngân			x	Toán giải tích	0,14	
2	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	1	Cao Thị Hà		x		LL&PPDH bộ môn Toán	0,25	1,49
		2	Bùi Thị Hạnh Lâm			x	LL&PPDH bộ môn Toán	0,16	
		3	Trần Việt Cường			x	LL&PPDH bộ môn Toán	0,25	
		4	Nguyễn Danh Nam			x	LL&PPDH bộ môn Toán	0,25	
		5	Đỗ Thị Trinh			x	LL&PPDH bộ môn Toán	0,25	
		6	Lê Thị Thu Hương			x	LL&PPDH bộ môn Toán	0,33	
3	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý	1	Vũ Thị Kim Liên		x		Vật lý chất rắn	0,2	3,97
		2	Vũ Thị Hồng Hạnh			x	Vật lý chất rắn	0,25	
		3	Chu Việt Hà			x	Vật lý chất rắn	0,33	
		4	Phạm Hữu Kiên			x	Vật lý kỹ thuật	0,33	
		5	Đỗ Thùy Chi			x	Vật lý chất rắn	0,2	
		6	Cao Tiến Khoa			x	LL&PPDH bộ môn Vật lý	0,33	
		7	Nguyễn Văn Khải		x		LL&PPDH bộ môn Vật lý	0,5	
		8	Tô Văn Bình		x		LL&PPDH bộ môn Vật lý	0,5	
		9	Nguyễn Thị Thu Hà (L)			x	LL&PPDH bộ môn Vật lý	0,33	
		10	Đỗ Hương Trà	x			LL&PPDH bộ môn Vật lý	1	
4	Hóa vô cơ	1	Lê Hữu Thiêng		x		Hóa vô cơ	0,33	1,41
		2	Nguyễn Thị Hiền Lan		x		Hóa vô cơ	0,33	
		3	Bùi Đức Nguyên			x	Hóa vô cơ	0,25	
		4	Nguyễn Thị Tố Loan			x	Hóa vô cơ	0,25	
		5	Phạm Thị Hà Thanh			x	Hóa vô cơ	0,25	
5	Di truyền học	1	Chu Hoàng Mậu	x			Di truyền học	0,16	1,8
		2	Nguyễn Thị Tâm		x		Di truyền học	0,16	
		3	Nguyễn Thị Thu Nga			x	Di truyền học	0,16	
		4	Vũ Thị Thu Thủy			x	Di truyền học	0,16	
		5	Phạm Thị Thanh Nhân			x	Di truyền học	0,16	
		6	Chu Hoàng Hà		x		Sinh học phân tử	1	

6	Sinh thái học	1	Lê Ngọc Công		x		Sinh thái học	0,14	0,76
		2	Hoàng Văn Ngọc			x	Động vật học	0,14	
		3	Sỹ Danh Thường			x	Thực vật học	0,16	
		4	Ma Thị Ngọc Mai			x	Sinh thái học	0,16	
		5	Đinh Thị Phụng			x	Sinh thái học	0,16	
7	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học	1	Nguyễn Phúc Chinh		x		LL&PPDH bộ môn Sinh học	0,16	0,76
		2	Nguyễn Văn Hồng		x		LL&PPDH bộ môn Sinh học	0,16	
		3	Lê Ngọc Công		x		Sinh thái học	0,14	
		4	Nguyễn Thị Ngọc Lan			x	Sinh lý học thực vật	0,14	
		5	Nguyễn Thị Hà			x	LL&PPDH bộ môn Sinh học	0,16	
8	Văn học Việt Nam	1	Đào Thuỷ Nguyên		x		Văn học Việt Nam	0,25	2,31
		2	Nguyễn Hằng Phương		x		Văn học dân gian	0,25	
		3	Cao Thị Hào		x		Văn học Việt Nam	0,25	
		4	Ngô Thị Thanh Quý		x		Văn học Việt Nam	0,2	
		5	Lê Hồng My			x	Văn học Việt Nam	0,25	
		6	Dương Thu Hằng			x	Văn học Việt Nam	0,25	
		7	Ngô Gia Võ			x	Văn học Việt Nam	0,2	
		8	Hoàng Điệp			x	Văn học Việt Nam	0,33	
		9	Ngô Thị Thanh Nga			x	Văn học Việt Nam	0,33	
9	Ngôn ngữ Việt Nam	1	Nguyễn Văn Lộc		x		Ngôn ngữ học	0,5	1,45
		2	Đào Thị Vân		x		Ngôn ngữ học	0,25	
		3	Nguyễn Thị Nhung			x	Ngôn ngữ học	0,25	
		4	Nguyễn Tú Quyên			x	Ngôn ngữ học	0,25	
		5	Ngô Thu Thủy			x	Ngôn ngữ học	0,2	
10	Lịch sử Việt Nam	1	Đỗ Hồng Thái		x		LL&PPDH bộ môn Lịch sử	0,33	2,07
		2	Hà Thị Thu Thủy		x		Lịch sử VN	0,33	
		3	Nguyễn Thị Quế Loan			x	Nhân học văn hoá	0,25	
		4	Nghiêm Thị Hải Yến			x	Lịch sử Thế giới cận đại và hiện đại	0,33	
		5	Kim Ngọc Thu Trang			x	LS Thế giới	0,33	
		6	Đàm Thị Uyên		x		LSVN cổ - trung đại	0,5	
11	Địa lý học	1	Dương Quỳnh Phương		x		Địa lý học	0,25	3,9
		2	Vũ Văn Anh			x	Địa lý học	0,2	
		3	Đỗ Văn Hào			x	LL&PPDH bộ môn Địa lý	0,25	
		4	Phạm Hương Giang			x	Địa lý tự nhiên	0,5	
		5	Nguyễn Thị Hồng		x		Địa lý tự nhiên	0,2	
		6	Nguyễn Minh Tuệ		x		Địa lý học	1	
		7	Lê Thu Hoa		x		Địa lý học	0,5	
		8	Nguyễn Xuân Trường		x		Địa lý học	0,5	
		9	Vũ Như Vân			x	Địa lý học	0,5	

12	Lí luận và lịch sử giáo dục	1	Phạm Hồng Quang		x		Giáo dục học	0,2	1,43
		2	Nguyễn Thị Tính		x		Giáo dục học	0,2	
		3	Nguyễn Thị Thanh Huyền			x	Giáo dục học	0,25	
		4	Trần Thị Minh Huế			x	Giáo dục học	0,2	
		5	Nguyễn Văn Hộ	x			Giáo dục học	0,25	
		6	Phạm Hùng Linh			x	Quản lý giáo dục	0,33	
13	Quản lý giáo dục	1	Phạm Hồng Quang		x		Giáo dục học	0,2	1,68
		2	Nguyễn Thị Tính		x		Giáo dục học	0,2	
		3	Phùng Thị Hằng			x	Tâm lý học	0,25	
		4	Trần Thị Minh Huế			x	Giáo dục học	0,2	
		5	Nguyễn Thị Thanh Huyền			x	Giáo dục học	0,25	
		6	Nguyễn Văn Hộ	x			Giáo dục học	0,25	
		7	Phạm Hùng Linh			x	Quản lý giáo dục	0,33	

Người lập biểu



Trần Việt Cường

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 3 năm 2016

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS Nguyễn Thị Tính

